

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH LUẬN

(Quyển thượng)

Thiên Thân Bồ Tát tạo
Hậu Tần Qui Tư Quốc Tam Tạng Pháp Sư Cưu La Ma Thập dịch Hán
Tỳ Kheo Thích Nhất Chân dịch Việt

PHẨM THỨ NHẤT: KHUYẾN PHÁT

Kính lễ vô biên tế
Đẳng không bất động trí
Khứ lai hiện tại Phật
Cứu thế Đại bi tôn

Có diệu pháp đại phương đẳng tối thượng thuộc tạng Ma Đắc Lặc Ca, được chư Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành. Chính là (1) khuyến khích ưa thích tu tập Bồ Đề vô thượng, (2) để có thể làm cho chúng sinh phát tâm sâu rộng, (3) kiến lập thế nguyện dứt khoát trang nghiêm, (4) xả bỏ thân mạng tài sản để nhiếp phục tham tiếc, (5) tu năm tụ giới để giáo hóa dẫn dắt các người phạm giới, (6) phát tinh tiến dũng mãnh để an chỉ chúng sinh, (7) tập các thiền định để biết rõ các tâm, (8) tu hành trí huệ diệt trừ vô minh, (9) nhập môn như thật lìa các chấp trước, (10) tuyên bày đức hạnh KHÔNG vô tướng thậm thâm, (11) ca ngợi công đức khiến cho Phật chủng không đoạn.

Có vô lượng môn phương tiện thanh tịnh như thế để trợ giúp cho Bồ Đề pháp. Nay tôi sẽ vì các hàng thượng thượng thiện mà phân biệt hiển bày, để khiến cho rốt cuộc được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Chư Phật tử, nếu như người Phật tử thọ trì những gì Phật nói, rồi có thể diễn giảng thuyết pháp cho chúng sinh, thì trước hết phải ca ngợi công đức của

Phật. Chúng sinh nghe thế rồi mới có thể phát tâm cầu trí huệ của Phật. Do phát tâm như thế nên Phật chúng không đoạn mất.

Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, niệm Phật, niệm pháp, lại niệm Như Lai khi hành Bồ Tát đạo, do vì cầu pháp nên trong a tăng kỳ kiếp chịu bao cần khổ. Do niệm như thế, (nếu có ai) nói pháp cho Bồ Tát, dù chỉ là một bài kệ, Bồ Tát nghe được pháp ấy vui mừng được lợi ích của giáo pháp, nên mới trông thiện căn tu tập Phật pháp, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do vì để đoạn các khổ não của những chúng sinh, từ vô thủy sinh tử, Bồ Tát Ma Ha Tát muốn thành tựu vô lượng thân tâm, cần tu tinh tiến, sâu phát đại nguyện, rồi thật hành đại phương tiện tâm, cầu đại trí huệ vô kiến đỉnh tướng. Cầu các pháp lớn như thế của chư Phật. Phải biết rằng các pháp ấy vô lượng vô biên, do pháp vô lượng nên quả báo phúc đức cũng vô lượng. Như Lai nói rằng, nếu các Bồ Tát tối sơ một niệm phát tâm hạ liệt thôi, thời quả báo phúc đức trong trăm ngàn vạn kiếp có nói cũng không cùng tận, huống gì là trong một ngày, một tháng, một năm, cho đến trăm năm tu tập các tâm ấy, quả báo phúc đức lẽ nào có thể nói tận. Tại sao vậy? Bởi sự thật hành của Bồ Tát không cùng tận, vì Bồ Tát muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều trụ vào vô sinh pháp nhẫn, đều đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Các Phật tử, Bồ Tát ban sơ phát Bồ Đề tâm, ví như biển lớn lúc ban đầu từ từ sinh khởi, phải hiểu đó là chỗ chứa cho các châu báu như ý giá trị từ hạ trung thượng cho đến vô giá, bởi các báu này đều từ biển lớn mà sinh. Bồ Tát (sơ) phát tâm cũng y như vậy, lúc ban đầu (từ từ) sinh khởi (tâm), phải hiểu (tâm ấy) liền là chỗ sinh khởi tất cả thiện pháp thiên định, trí huệ của người trời, thanh văn, duyên giác, chư Phật Bồ Tát.

Lại nữa, cũng như tam thiên đại thiên thế giới, lúc mới bắt đầu sinh (từ từ) khởi, phải hiểu là liền thành ngay chỗ y chỉ nâng đỡ trọn cả 25 cõi hữu trong ấy gồm hết cả chúng sinh. Bồ Tát phát Bồ Đề tâm cũng y như vậy, lúc mới bắt đầu phát khởi đã thành là chỗ y chỉ nâng đỡ cho hết tất cả vô lượng chúng sinh, nào là gồm hết sáu nẻo bốn sinh, chính kiến tà kiến, tu thiện tập ác, hộ trì tịnh giới, phạm bốn trọng cấm, tôn phụng tam bảo, hủy báng chính pháp, chư ma ngoại đạo, sa môn phạm chí, Sát Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà.

Lại nữa, Bồ Tát phát tâm lấy từ bi làm đầu. (Tâm) từ của Bồ Tát vô lượng vô biên, cho nên (khi Bồ Tát) phát tâm không có giới hạn (mà) bằng với chúng sinh giới. Ví như hư không, không có gì mà hư không không che trùm. Bồ Tát phát tâm cũng y như vậy, tất cả mọi chúng sinh không có chúng sinh nào mà Bồ Tát không che trùm. Nếu như chúng sinh giới vô lượng vô biên không sao cùng tận, Bồ Tát phát tâm cũng y như vậy, vô lượng vô biên không có cùng tận. Hư không vô tận nên chúng sinh cũng vô tận, chúng sinh vô tận nên Bồ Tát phát tâm bằng với chúng sinh giới. Mà chúng sinh giới lại không có giới hạn. Nay tôi sẽ thừa Thánh chỉ mà nói lên ít phần về chúng sinh giới.

Lấy hết phương đông ngàn ức hằng hà sa a tăng kỳ thế giới của chư Phật. Phương nam, tây, bắc, bốn phương phụ, phương trên và dưới, mỗi phương cũng lấy ngàn ức hằng hà sa a tăng kỳ thế giới của chư Phật. (Rồi) nghiền nát ra thành vi trần. Số vi trần này không trở ngại gì hết đối với mắt. (Sau đó) có bao chúng sinh trong trăm vạn ức hằng hà sa a tăng kỳ tam thiên đại thiên thế giới cùng nhau giữ lấy một vi trần. (Rồi) có bao nhiêu chúng sinh trong hai trăm vạn ức hằng hà sa a tăng kỳ tam thiên đại thiên thế giới cùng nhau giữ lấy hai vi trần. Cứ thế lần lượt lấy hết trọn số vi trần thuộc địa chúng có trong mười phương, mỗi phương gồm ngàn ức hằng hà sa a tăng kỳ thế giới của chư Phật. (Dù vậy) chúng sinh giới này vẫn không hề cùng tận.

Ví như có người chẻ một sợi lông ra làm trăm phần, rồi lấy một phần lông ấy chấm vào đại hải. Giờ đây cái ít phần mà tôi nói về chúng sinh cũng giống như (nước chấm nơi đây một phần trăm sợi lông) vậy. Phần (chúng sinh) còn lại chưa được nói đến giống như nước của cả đại hải. Giả như chư Phật có trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp dùng đủ thí dụ diễn nói rộng rãi cũng không nói cùng được. Bồ Tát phát tâm có thể che trùm trọn chúng sinh như vậy. Tại sao? Các Phật tử, tâm Bồ Đề này có lý do nào lại cùng tận được sao? Nếu có Bồ Tát nào nghe nói thế mà không kinh không sợ không thối không bỏ, phải biết người ấy chắc chắn có thể phát tâm Bồ Đề. Cho dù có vô lượng tất cả chư Phật trong vô lượng a tăng kỳ kiếp ca ngợi công đức của người ấy cũng không sao cùng được. Tại sao vậy? Bởi Bồ Đề Tâm này không có giới hạn, không hề cùng tận.

(Bồ Đề tâm) có vô lượng lợi ích như thế, cho nên (tôi mới) tuyên thuyết để khiến cho chúng sinh đều được nhận lấy thực hành, mà phát Bồ Đề tâm vậy.

PHẨM THỨ HAI PHÁT TÂM

Bồ tát phát Bồ Đề tâm ra sao? Tu tập Bồ Đề bằng những nhân duyên gì? Nếu Bồ Tát (1) gần gũi thiện tri thức, (2) cúng dường chư Phật, (3) tu tập thiện căn, (4) chí cầu thắng pháp, (5) tâm thường nhu hòa, (6) gặp khổ nhẫn nại được, (7) từ bi thuần hậu, (8) thâm tâm bình đẳng, (9) tin ưa Đại Thừa, (10) cầu trí huệ Phật.

Nếu người nào có đủ mười pháp như thế, thì mới có thể phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Lại có bốn duyên phát tâm tu tập Bồ Đề. Thế nào là bốn?

- 1) Một là tư duy chư Phật mà phát Bồ Đề tâm.
- 2) Hai là quán thân tai hại sai lầm mà phát Bồ Đề tâm.
- 3) Ba là từ mẫn chúng sinh mà phát Bồ Đề tâm.
- 4) Bốn là cầu quả tối thắng mà phát Bồ Đề tâm.

1) Tư duy (về) chư Phật mà phát Bồ Đề tâm lại gồm có năm việc.

- a) Một là tư duy chư Phật khắp mười phương quá khứ, vị lai, hiện tại, khi mới ban đầu phát tâm cũng đầy phiền não tính, y như mình hiện giờ. Rốt cuộc các Ngài đã thành chính giác, làm bậc vô thượng tôn. Do bởi duyên ấy nên (ta phải) phát Bồ Đề tâm.
- b) Hai là tư duy tất cả ba đời chư Phật phát đại dũng mãnh, Ngài nào cũng đắc được vô thượng Bồ Đề. Nếu Bồ Đề này là pháp có thể đắc được, thì ta cũng phải đắc được. Do duyên có ấy nên phát Bồ Đề tâm.
- c) Ba là tư duy tất cả ba đời chư Phật phát đại minh huệ, ở trong mạng (lưới) vô minh kiến lập thắng tâm, tích tập khổ hành, mà đều có thể tự kéo mình ra vơn lên khỏi ba cõi. Ta cũng như thế, sẽ tự kéo mình thoát khỏi (ba cõi). Do duyên có ấy nên phát Bồ Đề tâm.

d) Bốn là tư duy tất cả ba đời chư Phật là bậc (tráng lực) trong loài người, các Ngài đều vượt khỏi biển lớn phiền não sinh tử. Ta cũng là trượng phu, cũng sẽ vượt khỏi được. Do duyên có ấy nên phát Bồ Đề tâm.

e) Năm là tư duy tất cả ba đời chư Phật phát đại tinh tiến, xả thân mạng tài sản để cầu nhất thiết trí. Giờ ta cũng sẽ học theo chư Phật. Do duyên có ấy nên phát Bồ Đề tâm.

2) Quán thân tai hại sai lầm mà phát Bồ Đề tâm cũng gồm năm duyên sự:

a) Một là tự quán thân mình (gồm) năm ấm bốn đại, đều có thể khởi tạo vô lượng ác nghiệp. Do muốn lìa bỏ (thân này nên phát Bồ Đề tâm).

b) Hai là tự quán thân mình (gồm) chín lỗ thường chảy ra (các thứ) hôi bẩn không sạch. Do muốn lìa bỏ (thân này nên phát Bồ Đề tâm).

c) Ba là tự quán do bởi thân mình có tham sân si, vô lượng phiền não đốt cháy thiện tâm. Do muốn lìa bỏ (thân này nên phát Bồ Đề tâm).

d) Bốn là tự quán do bởi thân mình như bong bóng, như bọt nước sinh diệt trong từng niệm một, là cái pháp có thể xả được. Do muốn vất bỏ (thân này nên phát Bồ Đề tâm).

e) Năm là tự quán do bởi thân mình vô minh che đậy, thường tạo ác nghiệp, luân hồi sáu nẻo. Do không lợi ích gì hết (nên phát Bồ Đề tâm).

3) Cầu quả tối thắng mà phát Bồ Đề tâm cũng gồm có năm duyên sự:

a) Một là thấy chư Như Lai tướng tốt trang nghiêm, quang minh trong suốt, ai thấy được thời trừ hết phiền não. Do vì tư tập (tướng tốt này nên phát Bồ Đề tâm).

b) Hai là thấy chư Như Lai pháp thân thường trụ, thanh tịnh không ô nhiễm. Do vì tu tập (pháp thân này mà phát Bồ Đề tâm).

- c) Ba là thấy chư Như Lai (có) các pháp tụ thanh tịnh là giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Do vì tu tập (các pháp tụ này mà phát Bồ Đề tâm).
- d) Bốn là thấy chư Như Lai có mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Do vì tu tập (các pháp này mà phát Bồ Đề tâm).
- e) Năm là thấy chư Như Lai có nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, từ bi che khắp, có thể làm chính đạo cho tất cả các kẻ ngu mê. Do vì tu tập (nhất thiết trí này mà phát Bồ Đề tâm).

4) Từ mẫn chúng sinh mà phát Bồ Đề tâm cũng gồm năm duyên sự:

- a) Một là thấy các chúng sinh bị phiền não trói buộc.
- b) Hai là thấy các chúng sinh bị đủ loại khổ cuốn vây.
- c) Ba là thấy các chúng sinh tích tập các nghiệp bất thiện.
- d) Bốn là thấy các chúng sinh tạo các ác cực nặng.
- e) Năm là thấy các chúng sinh không tu chính pháp.

a) *Vô minh trói buộc* lại gồm có bốn loại:

- Một là thấy các chúng sinh bị si ái mê hoặc mà chịu khổ hết sức mãnh liệt.

- Hai là thấy các chúng sinh không tin nhân quả mà tạo tác ác nghiệp.

- Ba là thấy các chúng sinh lìa bỏ chính pháp, tin (theo) tà đạo.

- Bốn là thấy các chúng sinh chìm trong sông phiền não bị bốn dòng xô giạt.

b) *Các loại khổ cuốn vây* lại có bốn loại:

- Một là thấy các chúng sinh sợ sinh lão bệnh tử (song) không chịu cầu giải thoát, mà còn tạo nghiệp.

- Hai là thấy các chúng sinh ưu sầu khổ não mà cứ thường tạo tác không chịu ngưng nghỉ.

- Ba là thấy các chúng sinh ái biệt ly khổ mà không giác ngộ (mà cứ theo đó làm) phương tiện nhiệm trước.

- Bốn là thấy các chúng sinh oán tắng hội khổ thường ganh hiềm, rồi lại tạo oán.

c) *Tích tập các nghiệp bất thiện* lại có bốn loại:

- Một là thấy các chúng sinh vì ái dục mà tạo tác các việc ác.

- Hai là thấy các chúng sinh biết dục sinh khổ mà không chịu bỏ dục.

- Ba là thấy các chúng sinh tuy muốn có được sung sướng mà lại không có đủ giới.

- Bốn là thấy các chúng sinh tuy không thích khổ mà lại tạo khổ không ngừng.

d) Tạo các ác cực nặng lại có bốn loại:

- Một là thấy các chúng sinh hủy phạm trọng giới, tuy có lo âu mà vẫn phóng dật.

- Hai là thấy các chúng sinh khởi tạo cực ác (như) năm nghiệp vô gián, (mà vẫn) ngoan cố che đậy không biết hổ thẹn.

- Ba là thấy các chúng sinh hủy báng Đại Thừa phương đẳng chính pháp, cứ tự ngu chấp mới khởi kiêu mạn.

- Bốn là thấy các chúng sinh tuy có thông triết, song toàn đoạn thiện căn. (Đã thế) lại trở ngược công cao, vĩnh viễn không chịu hồi cải.

e) *Không tu chính pháp* lại có bốn loại:

Một là thấy các chúng sinh ở trong tám nạn không nghe (được) chính pháp, không biết tu thiện.

Hai là thấy các chúng sinh gặp (được) Phật xuất hiện nơi đời (được) nghe chính pháp mà không thọ trì nôi.

Ba là thấy các chúng sinh nhiễm thói quen ngoại đạo, khổ thân tu nghiệp, vĩnh viễn lìa ngoài xuất yếu.

Bốn là thấy các chúng sinh tu đắc phi tướng phi phi tướng xứ định, cho đó là Niết Bàn. Dè dàu thiện báo (một khi) dứt hết vẫn đọa vào ba đường (dữ).

Bồ tát thấy chúng sinh do vô minh mà tạo nghiệp nên (như) ở mãi trong đêm dài chịu khổ, lìa bỏ chính pháp, không còn biết đâu là nẻo ra. Vì các chúng sinh ấy nên phát đại từ bi, chí cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, như cứu lửa cháy trên đầu. (Với tâm niệm rằng) tất cả chúng sinh mà có khổ não, ta sẽ cứu vớt khiến không còn sót chút nào.

Các Phật tử, hiện tôi đã nói qua các duyên sự phát tâm của bậc Bồ Tát sơ hành. Nếu mà nói rộng ắt là vô lượng vô biên.

PHẨM THỨ BA: NGUYỆN THỆ

Bồ Tát làm thế nào để phát được xu hướng về Bồ Đề? Do hạnh nghiệp nào mà thành tựu được Bồ Đề?

Bồ tát phát tâm trụ nơi càn huệ địa, trước hết phải kiên cố mà phát chính nguyện, nhiếp thọ (thâu nhận lấy) hết tất cả vô lượng chúng sinh. “*Ta cầu vô*

thượng Bồ Đề để cứu họ và độ thoát cho họ không còn sót chút nào, và đều cho họ được cứu cánh vô dư Niết Bàn”.

Cho nên khởi thủy phát tâm thời đại bi làm đầu. Do nhờ bi tâm nên có thể phát chuyển mười đại chính nguyện thù thắng. Sao nói là mười?

- 1) Nguyện đời trước của ta và thân hiện tại có bao nhiêu thiện căn trồng được, (xin) đem các thiện căn này thí cho tất cả vô biên chúng sinh, rồi trọn cùng họ hồi hướng về vô thượng Bồ Đề. Khiến sao cho nguyện này của ta mỗi niệm mỗi tăng trưởng. Đời đời sinh ra, (nguyện ấy) thường cột nơi tâm không hề quên mất, được Đà La Ni gìn giữ bảo vệ.
- 2) Nguyện sau khi ta hồi hướng vô thượng Bồ Đề rồi, do thiện căn này mà tất cả nơi nào (ta) sinh ra, thường được cúng dường tất cả chư Phật, vĩnh viễn chắc chắn không sinh vào các quốc độ không có Phật.
- 3) Nguyện sau khi ta được sinh về nước của chư Phật rồi, thì thường được gần gũi theo hầu phải trái như bóng với hình, không một khoảnh khắc sát na nào xa lìa chư Phật.
- 4) Nguyện sau khi ta được gần gũi Phật rồi, thì tùy ta cần thiết (chư Phật) thuyết pháp cho ta (và ta) sẽ thành tựu được năm thông của Bồ Tát.
- 5) Nguyện sau khi ta thành tựu năm thông của Bồ Tát rồi, (ta) sẽ có thể thông hiểu thế đế giả danh lưu bố, sẽ thấu tỏ như chân thật tính thuộc đệ nhất nghĩa đế, và đắc được chính pháp trí.
- 6) Nguyện sau khi ta đắc được chính pháp trí rồi, (ta) sẽ đúng tâm không biết chán để thuyết (pháp) cho chúng sinh, chỉ giáo làm họ lợi ích hoan hỉ, và đều làm cho họ được thông hiểu.
- 7) Nguyện sau khi ta đã có thể làm cho chúng sinh thông hiểu rồi, (ta) sẽ dùng Phật thần lực đến khắp không sót một thế giới nào trong mười phương để cúng dường chư Phật, nghe nhận chính pháp, nhiếp rộ các chúng sinh.

- 8) Nguyên sau khi ta đón nhận chính pháp từ nơi chư Phật rồi, (ta) có thể chuyên ngay được pháp luân thanh tịnh. Tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới ai nghe được pháp ta, nghe được danh ta, sẽ lìa bỏ ngay tất cả phiền não và phát tâm Bồ Đề.
- 9) Nguyên sau khi ta có thể làm cho tất cả chúng sinh phát Bồ Đề tâm rồi, (ta) thường theo bảo vệ cho họ, trừ (cho họ) những gì không lợi ích, ban (cho họ) vô lượng an lạc, (ta sẽ) xả bỏ thân mạng tài sản để nhiếp thọ chúng sinh và gánh vác chính pháp.
- 10) Nguyên sau khi ta đã có thể gánh vác chính pháp rồi, tuy ta thực hành chính pháp song tâm không hề có hành. Cũng như chư Bồ Tát khi thực hành chính pháp, song không hề thực hành gì hết mà cũng không phải không hành.

Vì để hoá độ chúng sinh mà không bỏ chính nguyện, như thế gọi là mười đại nguyện của phát tâm Bồ Tát.

Mười đại nguyện này trùm hết chúng sinh giới, tóm thâu (nhiếp thọ) tất cả hằng sa các nguyện. “Nếu chúng sinh tận, thì nguyện của ta mới tận. Song chúng sinh thật không thể cùng tận, nên đại nguyện này của ta cũng không có cùng tận”.

Lại nữa, *Bố Thí* là nhân của Bồ Đề, do vì (bố thí) giữ lấy tất cả các chúng sinh. Trì giới là nhân của Bồ Đề, bởi (trì giới) gồm đủ các thiện thành mãn bốn nguyện. Nhẫn nhục là nhân của Bồ Đề, bởi (nhẫn nhục) thành tựu 32 tướng 80 tùy hình đẹp. Tinh tiến là nhân của Bồ Đề, vì (tinh tiến) tăng trưởng thiện hành, đối với các chúng sinh chăm chỉ giáo hoá. Thiên định là nhân của bồ đề, vì (do thiên định), Bồ Tát khéo tự điều phục, có thể rõ biết tâm hành của chúng sinh. Trí huệ là nhân của bồ đề, vì (do trí huệ) có đủ, có thể biết được tính và tướng của các pháp. Tóm yếu mà nói, sáu Ba La Mật là chính nhân Bồ Đề. (Lại gồm thêm) bốn vô lượng tâm, 37 phẩm và các vạn thiện hành cùng tương trợ mà thành.

Nếu Bồ Tát tu tập sáu Ba La Mật thì tùy theo sự thật hành của các ngài, (các ngài) sẽ từ từ được gần với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Các Phật Tử, người cầu Bồ Đề phải không phóng dật. Hành vi phóng dật có thể làm hoại thiện căn. Nếu Bồ Tát chế phục sáu căn được mà không phóng dật, thì người ấy có thể tu được sáu Ba La Mật.

Bồ Tát phát tâm trước tiên phải hết sức chí thành lập thế quyết định. Người lập thế rồi ra sẽ không phóng dật, giải đãi, trì hoãn. Tại sao vậy? Do vì lập thế quyết định nên có năm duyên trì giữ (lấy mình không cho phóng dật).

- Một là có thể làm cho tâm mình kiên cố.
- Hai là có thể chế phục được phiền não.
- Ba là có thể chặn đứng được phóng dật.
- Bốn là có thể phá được năm cái che đậy (ngũ cái).
- Năm là có thể siêng năng tu hành sáu Ba La Mật.

Như Phật ca ngợi:

Như Lai Đại Trí Tôn
Nói về công đức chúng,
Lực nhẫn, huệ, phúc nghiệp,
Lực thế nguyện tối thắng.

Lập thế ra làm sao? Nếu có người lại cầu xin đủ thứ, lúc ấy ta sẽ tùy có (bao nhiêu mà) thí cho, đến mức không sinh một niệm tiếc rẻ trong tâm. Nếu lại sinh tâm ác (dù) chỉ trong khoảng khảy ngón tay (như) dùng nhân duyên bố thí để được phúc báo thanh tịnh, tức là ta đã khi dối vô lượng vô biên a tăng kỳ hiện tại chư Phật trong mười phương thế giới. Đến đời vị lai (ta) cũng sẽ chắc chắn không thành được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nếu ta *trì giới* (cho dù) đến mức mất mạng, (vẫn) xây dựng chắc tâm (giữ giới) thanh tịnh, thì không hề hối tiếc.

Nếu ta *tu nhẫn*, bị kẻ khác xâm hại đến mức cắt chém, (ta vẫn) thường sinh từ ái, thì không có oán giận ngăn ngại.

Nếu ta tu *ting tiến*, (cho dù) gặp phải lạnh nóng, vua giặc, nước lửa, sự tử cạp sói, chôn không nước gạo, thời phải giữ tâm kiên cường thề không thối chuyển.

Nếu ta tu *thiền*, bị các chuyện bên ngoài quấy nhiễu không cho nhiếp tâm, thì cần phải trói niệm vào cảnh, thề không tạm khởi phi pháp loạn tướng.

Nếu ta tu tập *trí huệ*, quán như thật tính của tất cả các pháp, tùy thuận (theo pháp mà) thọ trì. Đối với các pháp thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết Bàn, không khởi lên cái thấy làm hai. Nếu tâm ta hồi oán ngăn ngại thoát thất loạn tướng, mà khởi lên thấy làm hai, (dù chỉ) như trong khoảng khảy móng tay mà dùng giới, nhẫn, ting tiến, thiền, trí để cầu (phúc) báo thanh tịnh, tức ta đã khi dối vô lượng vô biên a tăng kỳ hiện tại chư Phật trong mười phương thế giới. Đến đời vị lai (ta) cũng sẽ chắc chắn sẽ không thành được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Bồ tát mười đại nguyện trì giữ việc thật hành chính pháp, dùng sáu đại thế để chế ngự tâm phóng dật, thì sẽ có thể ting cần tu tập sáu Ba La Mật, thành được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

PHẦN THỨ TƯ: **ĐÀN BA LA MẬT**

Bồ Tát tu hành *bố thí* như thế nào? Bố thí nếu là vì để tự lợi tự tha, cả hai cùng lợi. Bố thí như thế sẽ có thể trang nghiêm được đạo Bồ Đề.

Bồ Tát vì muốn điều phục chúng sinh, làm cho họ lìa được khổ não, cho nên mới thật hành thí. Tu hành thí là luôn sinh tâm xả bỏ đối với tài vật của chính mình, luôn sinh tâm tôn trọng đối với người đến cầu xin, coi họ như cha, mẹ, sư trưởng hay thiện tri thức. Đối với kẻ bạn cùng hạ tiện khởi tâm thương mến, coi họ như con một (của mình), tùy họ cần gì cho nấy với tâm vui mừng cung kính. Như thế gọi là bố thí tu sơ thí tâm.

Do tu bố thí nên tiếng đồn khắp. Sinh đến chỗ nào cũng của báu đầy ắp, như thế gọi là tự lợi. Có thể làm cho tâm chúng sinh được thoả mãn, (rồi)

khuyên dạy điều phục, làm cho họ không còn keo kiệt, như thế gọi là lợi tha. Dùng cái đại thí vô tướng do chính mình tu được, dạy các chúng sinh làm cho họ được lợi giống như chính mình, như thế gọi là cùng lợi. Do tu bố thí mà thành được địa vị chuyển luân vương, (nên có thể) thu nhiếp tất cả vô lượng chúng sinh, đến mức đắc được pháp tạng vô tận của đức Phật, như thế gọi là trang nghiêm đạo Bồ Đề.

Thí có ba loại: một là dùng pháp để thí, hai là thí vô úy, ba là thí tài vật.

Dùng pháp để thí là khuyên người ta thọ giới, tu tập tâm xuất gia. Để phá tà kiến nên nói lên các lỗi lầm tai hại của các ác pháp bốn đảo, đoạn, thường, và phân biệt khai mở ý nghĩa của chân đế. Ca ngợi công đức tinh tiến, nói lên tai hại của phóng dật. Như thế gọi là *pháp thí*.

Nếu có chúng sinh sợ hãi vua chúa, sư tử, cọp sói, lửa nước, giặc cướp, Bồ Tát thấy thế, rồi có thể cứu hộ họ được, gọi là *vô úy thí*.

Dem tài vật của chính mình ra thí không hề tiếc rẻ, trên cho đến trâu bò, voi ngựa, xe cộ, lúa bông, lúa mạch, quần áo, uống ăn, dưới cho đến miếng bánh, sợi chỉ. Hoặc ít hoặc nhiều đúng với ý của người xin, tùy họ cần gì cho nấy, như thế gọi là tài thí. Tài thí có năm loại:

- một là chí tâm thí
- hai là tín tâm thí
- ba là tùy thời thí
- bốn là tỵ tại thí
- năm là như pháp thí.

Những gì không được thí cũng có năm điều:

- tài sản có được một cách phi lý, không được đem thí cho người, bởi đó là các vật không trong sạch.
- Rượu và độc dược không được đem thí cho người, vì các thứ ấy làm (não) loạn chúng sinh.
- Bẫy lưới, máp rập, võng, không được đem thí cho người, vì các thứ ấy (não) hại chúng sinh.

- Dao gậy cung tên không được đem thí cho người, vì các thứ ấy làm hại chúng sinh.
- Âm nhạc, nữ sắc không được đem thí cho người, vì các thứ ấy phá hoại tịnh tâm.
- Tóm yếu mà nói, các vật không đúng như pháp làm nã loạn chúng sinh, thì không được đem thí cho người. Ngoài ra, tất cả những gì có thể khiến cho chúng sinh được an lạc, thì gọi là như pháp thí.

-

Người ưa thích thí, thời sẽ có được năm thứ danh văn lợi dưỡng:

- Một là thường được gần gũi tất cả các bậc hiền thánh.
- Hai là tất cả chúng sinh đều thích gặp gỡ.
- Ba là khi đi vào giữa đại chúng, được mọi người tôn kính.
- Bốn là danh tốt tiếng lành đồn khắp mười phương.
- Năm là có thể làm nhân thượng diệu cho Bồ Đề.

Bậc Bồ Tát gọi là thí tất cả. Thí tất cả không phải có nghĩa là nhiều tài sản, mà có nghĩa là tâm thí vậy.

- 1) Cầu được tài sản đúng như pháp đem ra bố thí, gọi là thí tất cả.
 - 2) Dùng tâm thanh tịnh không chút quanh co mà thí, gọi là thí tất cả.
 - 3) Thấy kẻ bần cùng, tâm sinh thương xót mà thí, gọi là thí tất cả.
 - 4) Thấy người khổ nạn, tâm sinh từ bi mà thí, gọi là thí tất cả.
 - 5) Tuy nghèo ít tài mà có thể đem ra thí, gọi là thí tất cả.
 - 6) Quý thích bảo vật mà vẫn mở tâm ra thí được, gọi là thí tất cả.
 - 7) Chẳng kể tri giới huỷ giới, (phúc) điền hay phi (phúc) điền đều thí hết, gọi là thí tất cả.
 - 8) Chí cầu vô thượng đại Bồ Đề mà thí, gọi là thí tất cả.
 - 9) Muốn thí, khi thí, thí rồi không hối, gọi là thí tất cả.
- 1) Nếu dùng hoa mà thí, là vì để được đủ bảy hoa giác Đà La Ni.
 - 2) Nếu dùng hương mà thí, là vì để được đủ giới định huệ ướp thoa vào thân.
 - 3) Nếu dùng quả mà thí, là vì để được thành tựu quả vô lậu.
 - 4) Nếu dùng đồ ăn mà thí, là vì để được đầy đủ mạng khoẻ sắc lực vui tươi.
 - 5) Dùng quần áo mà thí, là vì để được đầy đủ sắc thanh tịnh trừ (tâm) không hổ thẹn.

- 6) Dùng voi ngựa xe cộ mà thí, là vì để được vô thượng thừa gồm đủ thần thông.
- 7) Dùng đèn sáng mà thí, là vì để đầy đủ mắt Phật chiếu rõ (thật) tính của tất cả các pháp.
- 8) Dùng anh lạc mà thí, là vì gồm đủ 80 tùy hình hảo.
- 9) Dùng gân sức hầu sứ mà thí, là vì để gồm đủ mười lực và bốn vô úy của Phật.

Tóm yếu mà nói, cho đến quốc thành, vợ con, đầu mắt tay chân, toàn thân thí cho, tâm không tiếc rẻ, là vì để đắc vô thượng Bồ Đề mà độ chúng sinh.

Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành bố thí, không thấy có tài vật (để thí), người thí, người nhận. Bởi (cả ba thứ ấy) đều không có tướng. Như thế sẽ đầy đủ hết Ba La Mật.

PHẨM THỨ NĂM: THI BA LA MẬT

Bồ Tát tu hành *trì giới* như thế nào? Trì giới nếu là để tự lợi, tự tha, cả hai cùng lợi, trì giới như thế sẽ có thể trang nghiêm được đạo Bồ Đề.

Bồ Tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến cho họ lìa được khổ não, cho nên mới trì giới. Tu trì giới là trọn phải thanh tịnh tất cả các nghiệp thuộc thân, khẩu, ý. Đối với các tâm bất thiện hành đều có thể lìa bỏ tránh xa. Khéo có thể trách mắng các ác hạnh, các (việc) huỷ (hoại) giới cấm. Đối với tội nhỏ tâm thường lo sợ, như thế gọi là sơ tâm trì giới của Bồ Tát.

Do tu trì giới nên (Bồ Tát) lìa xa tất cả các ác pháp lỗi lầm tai hại, thường được sinh vào chỗ thiện, như thế gọi là tự lợi. (Bồ Tát lại) giáo hoá cho chúng sinh, khiến họ không phạm ác, như thế gọi là lợi tha. Dùng cái giới hướng về Bồ Đề do chính mình tu, để giáo hoá cho các chúng sinh khiến họ được lợi ích như chính mình, như thế gọi là cùng lợi. Nhân tu trì giới (Bồ Tát) đạt được lìa dục cho đến lậu tận thành tối chính giác, như thế gọi là trang nghiêm đạo Bồ Đề.

Giới có ba loại: một là thân, hai là khẩu và ba là tâm. Trì *thân giới* là vĩnh viễn lìa tất cả các hành vi giết, cướp, dâm (sát, đạo, dâm); không đoạt mạng của sinh vật, không xâm phạm tài sản của người khác, không vi phạm vào ngoại sắc, lại cũng không tạo các nhân duyên để giết này nọ, cũng như các phương tiện để giết. Không dùng gậy, cây, ngói, đá đả thương chúng sinh. Nếu vật của người khác, thuộc quyền sử dụng của người khác, (dù chỉ) một cọng cỏ, một chiếc lá, nếu không cho là không lấy. Lại cũng không từng ngó, liếc sắc đẹp. (Luôn) ngay ngắn cẩn trọng đường hoàng trong bốn oai nghi, như thế gọi là thân giới.

Trì *khẩu giới* là đoạn trừ tất cả vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ý ngữ, thường không lừa dối, ly gián sự hoà hợp, huỷ báng, mắng nhiếc, chửi chưởi ngôn từ, hay tạo phương tiện làm khổ đến người. Lời nói thời chí thành, mềm mại, trung tính. Nói ra thường thêm lợi ích, khuyến khích tu thiện. Như thế gọi là khẩu giới.

Trì *tâm giới* là diệt trừ tham dục, sân khuê, tà kiến. Thường tu tâm mềm mại, không tạo tội lỗi, tin rằng tội nghiệp này sẽ bị quả báo ác. Do lực tư duy nên không tạo các ác. Đối với tội nhỏ, cũng khởi tưởng là (tội) rất nặng. Cho dù có ngộ tác, cũng vẫn lo âu hối hận. Đối với chúng sinh không hề khởi sân não. Thấy chúng sinh rồi thời sinh tâm thương tưởng, tâm biết ân không chút keo kiệt. Thích làm việc phúc đức, thường lấy đó để giáo hoá người ta. Thường tu tâm từ, thương yêu tất cả (chúng sinh). Như thế gọi là tâm giới.

Mười giới thiện nghiệp này, có năm sự lợi ích:

- Một là có thể chế ngự được các ác hạnh.
- Hai là có thể phát thiện tâm.
- Ba là có thể ngăn chặn phiền não.
- Bốn là thành tựu tịnh tâm.
- Năm là có thể tăng trưởng giới.

Nếu người nào khéo tu hạnh không phóng dật, đầy đủ chính niệm phân biệt được thiện ác, phải hiểu người ấy chắc chắn có thể tu được mười giới thiện nghiệp, tám vạn bốn ngàn vô lượng giới phẩm trọn đều thu tóm trong mười thiện giới. Mười thiện giới này có thể là căn bản của tất cả thiện giới. Đoạn các

ác pháp thuộc thân khẩu ý, thời có thể chế ngự tất cả các pháp bất thiện, nên mới gọi là giới.

Giới có năm loại:

- Một là Ba La Đề Mộc Xoa giới.
- Hai là định cộng giới.
- Ba là vô lậu giới.
- Bốn là nhiếp căn giới.
- Năm là vô tác giới.

Bạch bốn lần yết ma, theo thầy mà thọ (giới), gọi là *Ba La Đề Mộc Xoa giới*. Bốn căn bản thiện và bốn vị đạo thiện, như thế gọi là *định cộng giới*. Bốn thiện căn bản, sơ thiện và vị đạo, gọi là *vô lậu giới*. Thu nhiếp các căn, tu chính niệm tâm, đối với kiến, văn, giác, tri, sắc, thanh, hương, vị, xúc, không sinh phóng dật gọi là *nhiếp căn giới*. Đòi sau (trở đi có) xả thân cũng không làm ác nữa, gọi là *vô tác giới*.

Bồ Tát tu giới không giống với Thanh Văn và Bích Chi Phật. do bởi không giống như thế nên gọi là khéo trì giới. Do khéo trì giới nên sẽ có thể lợi ích tất cả chúng sinh. Do bởi (Bồ Tát):

- 1/ Trì từ tâm giới, cứu hộ chúng sinh khiến họ được an lạc,
- 2/ Trì bi tâm giới, nhẫn chịu các khổ để cứu ách nạn,
- 3/ Trì hỉ tâm giới, ưa thích tu thiện không hề giải đãi,
- 4/ Trì xả tâm giới, (đối với người) oán (kẻ) thân đều bình đẳng, lìa xa yêu ghét.
- 5/ Trì huệ thí giới, giáo hoá điều phục các chúng sinh,
- 6/ Trì nhẫn nhục giới, tâm thường mềm mại không oán giận ngăn ngại,
- 7/ Trì tinh tiến giới, nghiệp thiện ngày càng tăng không thoái lui,
- 8/ Trì thiên định giới, lìa các pháp bất thiện thuộc dục (giới) nuôi lớn thiên chi,
- 9/ Trì trí huệ giới, thiện căn nghe nhiều không biết chán đủ,
- 10/ Trì thân cận thiện tri thức giới, trợ thành đạo Bồ Đề vô thượng,
- 11/ Trì lìa xa ác tri thức giới, lìa bỏ các chỗ ba ác tám nạn.

Bậc Bồ Tát trì tịnh giới:

- không y theo dục giới, không gần với sắc giới, không trụ vào vô sắc giới, như thế là thanh tịnh giới;
- xả lìa dục trần, trừ ngại sân hận, diệt chương vô minh, đó là thanh tịnh giới, lìa hai bên đoạn thường, không đi ngược lại với nhân duyên, là thanh tịnh giới;
- không đeo bám vào các tướng giả danh sắc, thọ, tướng, hành, thức, là thanh tịnh giới;
- không trói cột vào nhân, không khởi các kiến (chấp), không trụ nơi nghi hối, là thanh tịnh giới;
- không trụ nơi ba căn bất thiện tham, sân, si, là thanh tịnh giới;
- không trụ vào ngã mạn, kiêu mạn, tăng thượng mạn, mạn mạn, đại mạn, nhu hòa khéo tuý thuận, là thanh tịnh giới;
- lợi, suy, nhục, vinh, khen, chê, khổ, sướng, không vì thế mà khuynh động là thanh tịnh giới;
- không nhiễm giả danh hư vọng thuộc Thế Đế, thuận theo Chân Đế là thanh tịnh giới;
- không nảo không nhiệt, tịch diệt lìa tướng, là thanh tịnh giới.
- Tóm yếu mà nói, cho đến không tiếc thân mạng, quán tướng (đó là) vô thường mà sinh (tâm) chán lìa, khuyến (chúng sinh) hành thiện căn dừng mãnh tinh tiến, là thanh tịnh giới.

Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành trì không thấy có tịnh tâm, bởi đã lìa tướng. Như thế sẽ gồm đủ hết Thi Ba La Mật.

PHẨM THỨ SÁU: SẢN ĐỀ BA LA MẬT

Bồ Tát tu hành *nhẫn nhục* như thế nào? Nhẫn nhục nếu là vì để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, nhẫn nhục như thế thì sẽ có thể trang nghiêm được đạo Bồ Đề.

Bồ Tát vì muốn điều phục chúng sinh khiến họ lìa xa khổ não nên mới tu nhẫn nhục. Tu nhẫn nhục là tâm thường khiêm hạ đối với tất cả chúng sinh. Cương cường, kiêu mạn, xả hết không hành. Thấy kẻ thô ác thì khởi tâm thương tưởng. Lời lẽ thường mềm mại, khuyến hoá (chúng sinh) tu thiện. Có thể phân biệt nói rõ về sự sai khác giữa quả báo của hoà nhẫn và sân hận. Như thế gọi là sơ tâm nhẫn nhục của Bồ Tát.

Do tu nhẫn nhục nên lìa xa các ác pháp, thân tâm được an lạc, như thế gọi là tự lợi. Dẫn dắt giáo hoá chúng sinh đều khiến cho họ được hoà thuận, như thế gọi là lợi tha. Đem đại nhẫn vô thượng do chính mình tu ra giáo hoá các chúng sinh khiến họ có được lợi ích giống như chính mình, như thế gọi là cùng lợi. Nhân tu nhẫn nhục mà đạt được đốn chính, được người tôn trọng, cho đến được các tướng đẹp thượng diệu của Phật, như thế gọi là trang nghiêm đạo Bồ Đề.

Nhẫn nhục có ba, chính là thân, khẩu, ý. Thế nào là *thân nhẫn* ? nếu người khác phát ác xâm phạm đánh đập mình đến mức gây thương hại, trọn đều có thể nhẫn chịu. Thế nào là *khẩu nhẫn*? Nếu gặp ai mắng chửi mình, im lặng chịu không mắng trả lại. Nếu gặp kẻ đến trách mắng một cách phi lý thì phải nhỏ nhẹ chiều theo. Nếu có kẻ nào lại còn vu cáo ngang ngạnh phỉ báng, thời đều phải nhẫn thọ, như thế gọi là *khẩu nhẫn*. Thế nào là *ý nhẫn* ? Gặp kẻ tức giận mình, tâm không mang hận, nếu có ai đụng chạm làm phiền, tâm mình không loạn. Nếu có ai chỉ trích, tâm cũng không oán, như thế gọi là *ý nhẫn*.

Những kẻ ra tay đánh (người) trong thế gian này có hai loại, một là (đúng) thật, hai là ngang (tàng). Nếu (mình) có tội lỗi, và nếu người ta hiềm nghi, (rồi) bị người ấy đánh, thì tự mình phải nhẫn chịu như uống cam lồ. Đối với người ấy phải sinh lòng cung kính, tại sao như thế? Bởi (người ấy) khéo có thể răn dạy điều phục được ta, khiến ta lìa xa được các tội lỗi. Nếu (kẻ nào) ngang

ngạnh còn thêm ác tâm gây đả thương ta, thời phải tự tư duy: “Ta nay không có tội, như thế phải là túc nghiệp quá khứ đưa lại”. Như thế cũng nên phải nhẫn. Lại phải suy nghĩ : “Bốn đại giả hợp, năm chúng duyên hội, ai là người bị đánh đây?”. Lại quán người trước mặt (đang đánh mình) như si như cuồng, ta nên thương họ. Tại sao lại không nhẫn?

Lại mắng chửi cũng có hai loại: một là (đúng) thật, hai là hư (dối). Nếu lời (mắng) nói đúng thật thì ta phải sinh hổ thẹn. Nếu lời (mắng) nói hư dối thì đâu can dự gì đến chuyện của ta, nó y như âm vang hay như gió thoảng qua không tổn hại gì đến ta hết, cho nên nên nhẫn.

Lại kẻ sân cũng thế. Họ đến sân hận với ta, ta phải nhẫn chịu. Nếu ta sân (lại) với họ, thì đời vị lai sẽ đọa ác đạo chịu khổ não hơn. Do nhân duyên này, thân ta nếu bị chém cắt đứt lia cũng không được nổi sân, mà cần phải quán sâu về nhân duyên nghiệp quá khứ, và hãy tu từ bi thương tưởng tất cả (chúng sinh). Cái khổ nhỏ như thế mà còn không thể nhẫn được, thì ta sẽ không thể tự điều phục được tâm, rồi làm sao lại có thể điều phục được chúng sinh, khiến họ giải thoát được tất cả các ác pháp, thành quả vô thượng?

Nếu người có trí thích tu nhẫn nhục, người này thường có được diện mạo đoan chính, có nhiều tài bảo, ai thấy cũng hoan hỷ, ngưỡng kính, phục tùng. Lại phải quán sát: Nếu có người nào thân hình tàn tật, nhan sắc xấu xa, các căn không đủ, thiếu thốn tài vật, phải biết đó đều là do nhân duyên sân mà nên. Do nhân duyên ấy, người trí phải nên tu sâu nhẫn nhục.

Có mười nhân duyên làm phát sinh nhẫn:

- một là không quán tưởng ngã và ngã sở,
- hai là không nhớ đến (niệm) dòng tộc,
- ba là phá trừ kiêu mạn,
- bốn là ác đến không báo trả,
- năm là quán tưởng vô thường,
- sáu là tu từ bi,
- bảy là tâm không phóng dật,
- tám là xả bỏ các việc đói khát, khổ sướng v.v...
- chín là đoạn trừ sân hận,

- mười là tu tập trí huệ.

Nếu ai thành được mười sự thể ấy, phải biết người ấy có thể tu nhẫn nhục được. Bồ Tát Ma Ha Tát khi tu thanh tịnh tất cánh nhẫn, nếu nhập vào KHÔNG, vô tướng, vô nguyện, vô tác, sẽ không hoà hợp cùng với kiến, giác, nguyện, tác (cũng) không cậy bám vào, vô KHÔNG tướng, vô nguyện, vô tác. Các kiến, giác, nguyện, tác này đều là KHÔNG. Nhẫn KHÔNG như thế là không có hai tướng, được gọi là thanh tịnh tất cánh nhẫn vậy. Nếu nhập vào tận kết, hoặc nhập tịch diệt, không hoà hợp với kết và sinh tử, cũng không cậy vào tận kết và tịch diệt. Các kết và sinh tử đều là KHÔNG. Nhẫn như thế là không có hai tướng, được gọi là thanh tịnh tất cánh nhẫn vậy. Nếu tính không tự sinh, không do tha sinh, không phải hoà hợp sinh, cũng không có xuất (hiện ra), không thể phá hoại. Cái không thể hoại thời không thể tận. Nhẫn như thế là không có hai tướng, thời gọi là thanh tịnh tất cánh nhẫn vậy. Không có tác (hay) phi tác, không có gì để cậy bám, không phân biệt, không trang nghiêm, không tu trì, không phát triển. Rốt cuộc không tạo sinh. nhẫn như thế là vô sinh nhẫn. Bồ Tát tu hành nhẫn này như thế, sẽ được thọ ký (về) nhẫn. Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành nhẫn nhục tính, tướng đều KHÔNG, bởi không có chúng sinh vậy. Như thế sẽ đầy đủ hết Sáu Đề Ba La Mật.

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH LUẬN

(Quyển hạ)

PHẨM THỨ BẢY: TỶ LÊ GIA BA LA MẬT

Bồ Tát tu hành tinh tiến như thế nào? Tinh tiến nếu là vì để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi. Tinh tiến như thế thì sẽ có thể trang nghiêm được đạo Bồ Đề.

Bồ Tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến họ lìa xa được khổ não nên tu tinh tiến. Tu tinh tiến là bất cứ lúc nào cũng thường chăm chỉ tu tập phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ tâm lười biếng kiêu mạn, không phóng dật. Đối với các việc khó khăn không ích lợi gì, tâm thường tinh cần trước sau không thôi thối.

Như thế gọi là sơ tâm tinh tiến của Bồ Tát. Nhờ tu tinh tiến nên có thể được các thiện pháp thượng diệu thuộc thế gian và xuất thế gian. Như thế gọi là tự lợi. Giáo hoá chúng sinh khiến họ chăm tu thiện, như thế gọi là lợi tha. Đem cái chính nhân Bồ Đề do chính mình tu ra giáo hoá các chúng sinh, khiến họ được lợi ích giống như chính mình, như thế gọi là cùng lợi. Nhờ tu tinh tiến mà đạt được diệu quả thanh tịnh hơn hết, siêu việt lên trên các địa đến mức mau thành chính giác. Như thế gọi là trang nghiêm đạo Bồ Đề.

Tinh tiến có hai loại: một là do vì cầu vô thượng đạo, hai là muốn cứu vớt hết chúng khổ mà khởi tinh tiến. Bồ Tát phải thành tựu mười niệm, mới có thể phát tâm cần hành tinh tiến. Thế nào là mười niệm?

- một là niệm tưởng đến vô lượng công đức của Phật,
- hai là niệm tưởng đến sự giải thoát bất tư nghì của pháp,
- ba là niệm tưởng đến sự thanh tịnh vô nhiễm của tăng,
- bốn là niệm tưởng đến việc thật hành đại từ để an lập chúng sinh,
- năm là niệm tưởng đến việc thật hành đại bi để cứu vớt chúng khổ,
- sáu là niệm tưởng đến tự chính định, khuyến (kích chúng sinh) ưa thích tu thiện,
- bảy là niệm tưởng đến tự tà định, kéo (chúng sinh) ra khiến trở về với gốc (thiện),
- tám là niệm tưởng đến các naga quý đói khát nóng cháy (nhiệt não)
- chín là niệm tưởng đến các súc sinh chịu hoai các khổ,
- mười là niệm tưởng đến các địa ngục chịu đủ các điều thiêu nấu.

Bồ Tát tư duy mười niệm như thế (nghĩ rằng): Công đức của Tam Bảo ta phải tu tập (đối với) từ bi và chính định ta phải khuyến khích (chúng sinh) nỗ lực, (đối với) chúng sinh tà định và khổ của ba ác đạo ta phải cứu vớt. Tư duy và chỉ niệm tưởng như thế không tán loạn, ngày đêm cần tu không hề ngưng bỏ, như thế gọi là khởi được chính niệm tinh tiến.

Bồ Tát tinh tiến lại còn có bốn sự việc, chính là tu hành đạo bốn chính cần:

- 1- các ác pháp chưa sinh, ngăn chặn không cho khởi,
- 2- các ác pháp đã sinh, phải lập tức làm cho chúng được đoạn trừ,
- 3- các thiện pháp chưa sinh, tìm phương tiện làm cho chúng sinh.

4- các thiện pháp đã sinh, thì phải tu (thêm cho) viên mãn, (làm cho) tăng trưởng rộng rãi.

Bồ Tát tu đạo bốn chính cần như thế mà không hề ngưng nghỉ, thì gọi là tinh tiến. Sự chăm tinh tiến này có thể phá tan tất cả các phiền não giới, làm tăng trưởng chính niệm vô thượng Bồ Đề.

- 1) Bồ Tát nếu có thể chịu tất cả các khổ lớn đối với thân tâm, là vì muốn an lập các chúng sinh mà không biết mỏi mệt, như thế gọi là tinh tiến.
- 2) Bồ Tát sau khi lìa xa pháp ác, quanh co không thật (siểm khúc), tà tinh tiến, bèn tu chính tinh tiến, nghĩa là tu tín, thí, giới, định, huệ, từ bi hỷ xả. (Đó là) những gì muốn làm đã làm và sẽ làm (nữa), chí tâm thường hành tinh tiến không hồi hận; đối với các thiện pháp và việc cứu vớt chúng khổ, coi như cứu lửa đốt trên đầu, tâm không hề thoái thất, như thế gọi là tinh tiến. Bồ Tát tuy là không tiếc gì thân mạng, song vì để cứu vớt chúng khổ, bảo hộ chính pháp, nên phải yêu tiếc (thân ấy), mà không bỏ oai nghi, thường tu thiện pháp. Khi tu thiện pháp tâm không lười biếng (giải đãi), (cho dù) có mất mạng cũng không bỏ như pháp. Như thế gọi là Bồ Tát (do) tu đạo Bồ Đề (nên) cần hành tinh tiến. Con người giải đãi không thể một lúc bỏ thí hết tất cả, không thể trì giới, nhẫn (nại) đối với chúng khổ. Cần hành tinh tiến, nhiếp tâm (vào) niệm và định, phân biệt thiện ác. Cho nên mới nói rằng sáu Ba La Mật do sự tinh tiến mà được tăng trưởng. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát tinh tiến tăng trưởng, thì sẽ có thể mau đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Bồ Tát phát đại trang nghiêm mà khởi tinh tiến lại gồm có bốn điều:

- một là phát đại trang nghiêm,
- hai là tích tập dũng kiện,
- ba là tu các thiện căn,
- bốn là giáo hoá chúng sinh.

Thế nào là Bồ Tát *phát đại trang nghiêm*? Đối với việc sinh tử tâm có thể kham nhẫn, không kể kiếp số. Đối với việc (phải trải qua) vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha Hằng Hà sa a tăng kỳ kiếp mới thành Phật đạo, tâm

không (cảm thấy) mỗi một, như thế gọi là trang nghiêm tinh tiến không lười biếng.

Bồ Tát (do) *tích tập dũng kiện mà khởi tinh tiến* (là) nếu như lửa cháy khắp cùng tam thiên đại thiên thế giới, mà vì để gặp Phật, vì để nghe pháp, vì để đặt để (an chỉ) chúng sinh vào thiện pháp, cần phải đi qua đám lửa ấy (Bồ Tát sẽ đi qua), vì để điều phục chúng sinh nên tâm khéo đặt để vào trong đại bi, như thế gọi là dũng kiện tinh tiến.

Bồ Tát (do) tu tập thiện căn mà khởi tinh tiến (là): như tất cả các thiện căn được phát khởi, trọn đều đem chúng hồi hướng về A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, do bởi muốn thành tựu nhất thiết trí, như thế gọi là tu tập thiện căn tinh tiến.

Bồ Tát (do) *giáo hoá chúng sinh mà khởi tinh tiến* (là): tính của chúng sinh không thể kể ra hết, vô lượng vô biên bằng với hư không giới, (song) Bồ Tát lập thế, ta sẽ độ hết không còn sót ai. Vì muốn hoá độ như thế nên cần hành tinh tiến, như thế gọi là giáo hoá tinh tiến.

Tóm yếu mà nói, Bồ Tát tu công đức trợ đạo để trợ giúp cho vô thượng trí huệ. Tu tập Phật pháp mà khởi tinh tiến. Công đức của chư Phật vô lượng vô biên, sự tinh tiến do Bồ Tát Ma Ha Tát phát đại trang nghiêm mà thật hành cũng y như thế, vô lượng vô biên. Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành tinh tiến không có tâm lừa dối vì để cứu chúng khổ. Như thế sẽ gồm đủ hết Tỳ Lê Gia Ba La Mật.

PHẨM THỨ TÁM : THIÊN NA BA LA MẬT

Bồ Tát tu tập *thiên định* như thế nào? Thiên định nếu là vì để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, thiên định như thế thì sẽ có thể trang nghiêm được đạo Bồ Đề.

Bồ Tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến họ lìa xa được khổ não nên tu thiên định. Tu thiên định là khéo nhiếp tâm mình, không để cho bất cứ loạn tưởng nào vọng tác. Đi, đứng, nằm, ngồi trói niệm vào trước mặt. Quán sát

(theo hai chiều) nghịch thuận, nào là đầu lâu, đỉnh (đầu), xương sống, cánh tay, khuỷu tay, ngực, sườn, xương hông, xương đùi, ống quyển, mắt cá chân, an ban đếm hơi thở, như thế gọi là sơ tâm tu định của Bồ Tát.

Do tu thiên định nên không thọ các ác pháp, tâm thường khoan khoái như thế, gọi là tự lợi. Giáo hoá chúng sinh khiến họ tu chính niệm, như thế gọi là lợi tha. Đem tam muội thanh tịnh lìa ác, với giác quán, do chính mình tu ra giáo hoá các chúng sinh, khiến họ được lợi ích như chính mình, như thế gọi là cùng lợi. Do tu thiên định nên đạt được tám giải thoát, cho đến Thủ Lăng Nghiêm, Kim Cương tam muội, như thế gọi là trang nghiêm đạo Bồ Đề. Thiên định do ba pháp mà sinh. Thế nào là ba?

- một là huệ do văn,
- hai là huệ do tư,
- ba là huệ do tu.

Từ ba pháp ấy từ từ mà sinh tất cả các tam muội.

Thế nào là *văn huệ* ? Đúng như các pháp được nghe, tâm thường ưa thích. Lại nghĩ như sau: các pháp vô ngại giải thoát v.v... của chư Phật, phải do đa văn mà đắc thành tựu. Nghĩ như thế rồi, đối với mọi lúc cầu pháp càng thêm tinh cần, ngày đêm thường thích nghe pháp không thấy chán hay đủ, như thế gọi là văn huệ.

Thế nào là *tư huệ* ? Tư niệm quán sát tướng như thật của tất cả các pháp hữu vi, chính là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, niệm niệm sinh diệt, không lâu là diệt hoại. Song các chúng sinh bị ưu, bi, khổ não, thường ghét trời buộc, chỉ vì lửa tham, khuê, si thiêu đốt, làm tăng trưởng khối khổ não lớn ở đời sau. (Song, thật ra chúng) không có thật tính, y như huyễn hoá. Thấy như thế rồi, nên đối với tất cả pháp hữu vi liền sinh chán lìa, ra sức tinh cần hướng về trí huệ Phật. Tư duy về trí huệ Như Lai không thể suy lường, không thể nói hết, có thể lực lớn không ai có thể hơn được, có thể đến được thành lớn an ổn, vô úy không bị hồi lại, có thể cứu được vô lượng chúng sinh khổ não, chí nguyện tiến cầu Đại Thừa vô thượng, như thế gọi là tư huệ.

Thế nào là *tu huệ* ? Từ sơ quán về cốt (xương), cho đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều gọi là tu huệ: lia các pháp không thiện thuộc dục giới, có giác có quán là sinh hỉ lạc, nhập vào sơ thiền. Diệt giác và quán, bên trong thanh tịnh, tâm một chỗ, không giác không quán định sinh hỉ lạc, nhập vào nhị thiền. Lìa hỉ nên (thật) hành xả, tâm niệm (khinh) an (thuộc) huệ, thân cảm thọ lạc. Các hiền thánh thường thuyết thường xả, thường niệm thọ lạc nhập vào tam thiền. Do đoạn khổ đoạn lạc, do trước hết diệt ưu hỉ, nên không khổ không lạc hành xả, niệm, tịnh, nhập vào tứ thiền. Do vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả các tướng hữu đối, không niệm tất cả các tướng biệt dị, nên biết được hư không vô biên, thời sẽ nhập vào hư không vô sắc định xứ. Vượt qua tất cả hư không tướng, biết được thức là vô biên, thời sẽ nhập vào vô sắc thức định xứ. Vượt qua tất cả thức tướng, biết được không có gì hết (vô sở hữu), thời sẽ nhập vào vô sở hữu, vô sắc định xứ. Vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, biết được phi hữu tướng phi vô tướng an ổn, thời sẽ nhập vào vô sắc phi hữu tướng phi vô tướng xứ. (Tuy thế song) chỉ vì tùy thuận các pháp mà hành, song không thích đắm, cầu vô thượng thừa thành tối chính giác. Như thế gọi là tu huệ. Bồ Tát do văn tu huệ này, tinh cần nhiếp tâm, sẽ có thể thành tựu thông minh tam muội Thiền Na Ba La Mật.

Lại nữa, Bồ Tát tu định lại có mười pháp hành không cùng (hành) chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật. Mười những gì đây?

- Một là tu định không có tôi ngã, do bởi có đủ các thiền định của Như Lai.
- Hai tu định không đam vị, không đắm trước, lìa bỏ nhiễm tâm không cần an lạc cho riêng mình.
- Ba là tu định gồm đủ các nghiệp (thân) thông, do vì biết các tâm hành của chúng sinh.
- Bốn là tu định để biết các tâm do bởi độ thoát tất cả chúng sinh.
- Năm là tu định thật hành đại bi, do vì đoạn phiền não kết của các chúng sinh,
- Sáu là tu định các thiền tam muội, so bởi khéo biết sự nhập xuất vượt quá ba cõi,
- Bảy là tu định thường được tự tại, do vì có đủ tất cả các thiện pháp,
- Tám là tu định tâm mình tịch diệt, do vì vượt hơn các thiền tam muội của nhị thừa,

- Chín là tu định thường nhập trí huệ, do vì vượt quá các pháp thế gian đến bờ kia,
- Mười là tu định có thể hưng khởi chính pháp, do vì tục hưng Tam Bảo khiến không đoạn tuyệt.

Định như thế không cùng có chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Lại nữa, do vì (để) biết tất cả tâm phiền não của chúng sinh, cho nên tu tập các pháp thiền định trợ thành trụ tâm, khiến cho (các) thiền định này trụ tâm bình đẳng, như thế gọi là định. Định (bình) đẳng như thế sẽ (bình) đẳng với KHÔNG, vô tướng, vô nguyện, vô tác. (Nếu) KHÔNG, vô tướng, vô nguyện, vô tác (bình) đẳng, thời chúng sinh (bình) đẳng. (Nếu) chúng sinh (bình) đẳng, thời chư pháp (bình) đẳng. Nhập vào (bình) đẳng như thế gọi là *định*.

Lại nữa, Bồ Tát tùy theo thế (gian) mà hành, không lìa ngoài thế (gian), song (Bồ Tát) luôn luôn xả tám pháp thế gian, diệt tất cả các kết, lìa xa thói ồn náo, thích sống một mình. Bồ Tát tu hành thiền định như thế, tâm an chỉ trụ, lìa các sự việc thế gian.

Lại nữa, Bồ Tát tu định, do (để) có đủ thông, trí, phương tiện, huệ. Thế nào là thông? Thế nào là trí? Hoặc thấy sắc tướng, hoặc nghe âm thanh, hoặc biết tâm người, hoặc nhớ (được) quá khứ, hoặc có thể đến khắp được các thế giới của chư Phật. Như thế gọi là thông. Nếu biết sắc tức pháp tính, hiểu rõ âm thanh, tâm hành, tính tướng tịch diệt ba đời đều bình đẳng; biết chư Phật giới bằng với hư không tướng song không chúng diệt tận. Như thế gọi là trí. Thế nào là phương tiện? Thế nào là huệ? Khi nhập vào thiền định thời sinh đại từ bi không bỏ thế nguyện, tâm (thệ nguyện) như kim cương, quán xét thế giới của chư Phật để (theo đó) trang nghiêm đạo trường Bồ Đề. Như thế gọi là phương tiện. Tâm mình vĩnh viễn tịch (diệt), không có ngã, không có chúng sinh, tu duy bản tính của chư pháp không loạn, thấy chư Phật giới đồng với hư không, quán những gì được trang nghiêm đồng với tịch diệt. Như thế gọi là huệ.

Như thế gọi là Bồ Tát tu hành thiền định, do (để có đủ) thông, trí, phương tiện, huệ. Bốn sự sai biệt này đều (hiện) hành, (nên) được gần với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bồ Tát Ma Ha Tát tu thiền định không còn chút ác tâm,

do (như thiên định là) pháp bất động. Như thế thời sẽ gồm đủ Thiên Na Ba La Mật.

PHẨM THỨ CHÍN : **BÁT NHÃ BA LA MẬT**

Bồ Tát tu hành trí huệ như thế nào? Trí huệ nếu vì để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, trí huệ như thế sẽ có thể trang nghiêm được đạo Bồ Đề.

Bồ Tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến họ lìa xa khổ não nên tu trí huệ. Tu trí huệ là phải học trọn tất cả các sự việc ở thế gian, xả tham sân si, kiến lập tâm từ, lân mẫn hữu ích cho tất cả chúng sinh, thường nghĩ tưởng (niệm) cứu vớt, vì họ làm người dẫn đạo, có thể phân biệt nói rõ về chính đạo, tà đạo, cùng thiện báo, ác báo. Như thế gọi là sơ tâm trí huệ của Bồ Tát.

Do tu trí huệ nên lìa xa vô minh, trừ (diệt) phiền não chướng và trí huệ chướng, như thế gọi là tự lợi. Giáo hoá chúng sinh khiến họ được điều phục, như thế gọi là lợi tha. Đem vô thượng Bồ Đề do chính mình tu ra giáo hoá các chúng sinh khiến họ được ích lợi y như chính mình, như thế gọi là cùng lợi. Do tu trí huệ mà đạt được sơ địa cho đến Tát Bà Nhã Trí, như thế gọi là trang nghiêm đạo Bồ Đề.

Bồ Tát tu hành trí huệ có hai mươi tâm có thể từ từ mà kiến lập. Những gì là hai mươi?

- 1) Tâm sẽ phát thiện, muốn gần gũi bạn tốt (thiện hữu);
- 2) Tâm không phóng dật, lìa bỏ kiêu mạn,
- 3) Tâm tùy thuận lời răn dạy, ưa thích nghe pháp,
- 4) Tâm nghe pháp không chán và khéo tư duy (về pháp),
- 5) Tâm thật hành bốn phạm hạnh và tu chính trí,
- 6) Tâm quán hạnh bất tịnh sinh chán lìa (yếm ly),
- 7) Mười sáu thánh tâm, quán bốn chân đế,
- 8) Tâm quán mười hai nhân duyên tu minh huệ,
- 9) Tâm nghe các ba la mật, nhớ tưởng và muốn tu tập,
- 10) Tâm quán vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt.

- 11) Tâm quán KHÔNG, vô tướng, vô nguyên, vô tác,
- 12) Tâm quán âm, giới, nhập có nhiều lỗi hại,
- 13) Tâm hàng phục phiền não, (coi đó) không phải là bạn hữu,
- 14) Tâm bảo hộ các thiện pháp, tự làm bạn hữu (với thiện pháp)
- 15) Tâm chế ngự các ác pháp, khiến chúng đoạn trừ,
- 16) Tâm tu tập chính pháp, khiến cho tăng trưởng rộng lớn,
- 17) Tâm tuy tu nhị thừa mà thường lia bỏ,
- 18) Tâm nghe tụng Bồ Tát ưa thích phụng hành,
- 19) Tâm tự lợi, lợi tha, tùy thuận tăng tiến các thiện nghiệp,
- 20) Tâm trì hạnh chân thật cầu tất cả các Phật pháp.

Lại nữa Bồ Tát tu hành trí huệ lại có mười pháp tâm thiện tư duy, không cùng có chung với Thanh Văn và Bích Chi Phật. Những gì là mười?

- 1) Tư duy phân biệt định huệ căn bản,
- 2) Tư duy không bỏ hai biên đoạn và thường,
- 3) Tư duy nhân duyên sinh khởi chư pháp,
- 4) Tư duy không có chúng sinh, ngã, nhân, thọ mệnh,
- 5) Tư duy không có các pháp theo ba thời khứ, lai, trụ,
- 6) Tư duy không hề có pháp hành song không đoạn nhân quả,
- 7) tư duy pháp KHÔNG song gieo trồng thiện pháp, không biết mệt mỏi.
- 8) Tư duy vô tướng song (việc) độ chúng sinh không bỏ phé,
- 9) Tư duy vô nguyên song không hề lia bỏ (tâm) cầu Bồ Đề,
- 10) Tư duy vô tác song (thị) hiện thọ (nhập các) thân không bỏ.

Lại nữa, Bồ Tát có mười hai pháp môn khéo nhập. Những gì là mười hai?

- 1) khéo nhập các tam muội KHÔNG này nọ, song không hề giữ lấy để chúng.
- 2) khéo nhập các thiền tam muội, song không tùy theo thiền na mà sinh (vào đó),
- 3) khéo nhập các thông, trí, song không chúng (lấy) pháp vô lậu,
- 4) khéo nhập pháp nội quán, song không chúng quyết định,
- 5) khéo nhập quán tất cả chúng sinh đều không tịch, song không xả bỏ đại từ,
- 6) khéo nhập quán tất cả chúng sinh đều vô ngã, song không xả bỏ đại bi,

- 7) khéo nhập sinh các ác thú, song chẳng phải do vì nghiệp nên sinh,
- 8) khéo nhập lìa dục, song không chứng pháp lìa dục,
- 9) khéo nhập xả bỏ các thứ dục lạc, song không xả bỏ pháp lạc,
- 10) khéo nhập xả bỏ tất cả các giác hí luận, song không xả bỏ các quán phương tiện,
- 11) khéo nhập tư lương hữu vi pháp nhiều lỗi hại, song không xả bỏ hữu vi,
- 12) khéo nhập pháp vô vi thanh tịnh lìa xa, song không trụ vô vi.

Bồ Tát có thể tu được tất cả các pháp môn khéo nhập (này), tức sẽ có thể khéo hiểu ba thời KHÔNG không có gì hết (vô sở hữu). Nếu quán như thế, do lực trí huệ quán ba đời KHÔNG, nếu đối với vô lượng công đức mà chư Phật trong ba đời gieo trồng, trọn đều đem hồi hướng về vô thượng Bồ Đề, như thế gọi là Bồ Tát khéo quán phương tiện ba đời.

Lại nữa, tuy thấy các pháp (diệt) tận ở quá khứ không (đi) đến vị lai, song thường tu thiện tinh tiến không giải đãi. Quán pháp vị lai tuy không sinh ra, (song) không xả bỏ tinh tiến, nguyện hướng Bồ Đề. Quán pháp hiện tại tuy niệm niệm diệt, (song) tâm mình không quên phát tiến đến Bồ Đề. Như thế gọi là Bồ Tát quán phương tiện ba đời: quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không trụ. Tuy quán tâm, tâm số pháp sinh diệt tán hoại như thế, song thường không xả bỏ việc tu tập thiện căn trợ cho pháp Bồ Đề. Như thế gọi là Bồ Tát quán phương tiện ba đời.

Lại nữa, Bồ Tát quán tất cả thiện bất thiện, ngã vô ngã, thật bất thật, KHÔNG bất KHÔNG, thế đế chân đế, chính định tà định, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, hắc pháp bạch pháp, sinh tử Niết Bàn, như tính của pháp giới (chỉ) một tướng (thôi là) vô tướng. Trong (vô tướng) ấy không có pháp nào để có thể gọi là vô tướng, cũng không có pháp nào để lấy đó cho là vô tướng. Như thế ắt gọi là nhất thiết pháp ấn, bất khả hoại ấn. Ở trong ấn đó cũng không có tướng của ấn. Như thế gọi là chân thật trí huệ phương tiện Bát Nhã Ba La Mật.

Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm Bồ Đề phải học như thế, phải hành như thế. Hành như thế là sẽ gần với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bồ Tát Ma Ha Tát hành trí huệ (mà) tâm không có hành gì hết, do bởi pháp tính thanh tịnh, như thế ắt là đầy đủ hết Bát Nhã Ba La Mật.

PHẨM THỨ MƯỜI: NHƯ THẬT PHÁP MÔN

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, người tu tập sáu Ba La Mật cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề phải lìa xa bảy pháp. Những gì là bảy?

- Một là lìa xa ác tri thức. Ác tri thức là những ai dạy người ta xả lìa niềm tin cao thượng, ý muốn cao thượng, tinh tiến cao thượng (mà chỉ) tu tập các tạp hành.
- Hai là lìa khỏi nữ sắc, các ham mê ưa thích dục, giỡn cợt thói người đời, làm việc cho họ.
- Ba là lìa khỏi ác giác, (có nghĩa là) tự quán hình dung (của mình) rồi tham tiếc yêu mến coi nặng, nhiễm đắm giữ gìn cho là có thể giữ được lâu dài.
- Bốn là lìa khỏi sân, giận, dữ, mạn, ganh ghét, đố kỵ, phát khởi tranh tụng, hoại loạn tâm thiện.
- Năm là lìa khỏi phóng dật, kiêu mạn, giải đãi, tự thị các thiện nhỏ (của mình mà) khinh miệt người khác.
- Sáu là lìa bỏ các sách luận ngoại đạo cùng các ngôn từ chải chuốt của văn vẻ thế tục, không phải điều Phật nói, không hề ca ngợi mà tụng đọc.
- Bảy là không được gần gũi tà kiến, ác kiến.

Bảy pháp như thế cần phải lìa xa. Như Lai nói rằng: không còn thấy có pháp nào sâu chướng đạo Phật cho bằng bảy pháp này. Cho nên Bồ Tát cần phải lìa xa.

Nếu muốn mau được vô thượng Bồ Đề, phải tu bảy pháp. Những gì là bảy?

- Một là Bồ Tát cần phải gần gũi thiện tri thức. thiện tri thức chính là chư Phật cùng chư Bồ Tát. Nếu là bậc Thanh Văn mà có thể làm cho Bồ Tát trụ vào tạng pháp thâm sâu (tức) các Ba La Mật, thì (vị đó) cũng là thiện tri thức của Bồ Tát vậy.
- Hai là Bồ Tát cần phải gần gũi người xuất gia, cũng phải gần gũi các pháp a lan nhã, lia khỏi nữ sắc cùng các ưa muốn, không cùng với người đời mà làm việc chung.
- Ba là Bồ Tát cần phải tự quán thân hình (của mình chỉ) như đất phân, chỉ đầy đặc xú uế, (rồi nào phải chịu) gió, lạnh, nóng, không đáng gì tham đắm, có ngày sẽ chết, cần phải nghĩ kỹ mà chán bỏ (đề) tinh cần tu đạo.
- Bốn là Bồ Tát cần phải thường hành hoà nhẫn, cung kính, nhu thuận, cũng khuyến hoá người khác khiến họ trụ vào nhẫn.
- Năm là Bồ Tát cần phải tu tập tinh tiến, thường sinh tâm quý, kính phụng sư trưởng, lân mẫn kẻ bần cùng ở dưới, thấy người bị tai khổ đem thân mình ra chịu thế cho.
- Sáu là Bồ Tát cần phải tu tập phương đẳng Đại Thừa các tạng Bồ Tát, những pháp mà Phật ca ngợi phải thọ trì đọc tụng.
- Bảy là Bồ Tát cần phải gần gũi, tu tập đệ nhất nghĩa đế, chính là thật tướng (mà vốn là) nhất tướng, (đó là) vô tướng.

Nếu các Bồ Tát muốn mau được vô thượng Bồ Đề, thì phải gần gũi với bảy pháp như trên.

Lại nữa, nếu người nào phát Bồ Đề Tâm, (mà) do vì có đắc được nên (cho dù) trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu tập từ bi hỉ xả, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, phải biết người ấy không ra khỏi sinh tử được, (cũng) không hướng đến Bồ Đề được. Tại sao vậy? Tâm có đắc được và cái kiến đắc được (như) âm giới nhập kiến, ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ mệnh kiến, từ bi hỉ xả thí giới nhẫn tiến định trí các kiến. Tóm yếu mà nói: Phật pháp tăng kiến và Niết Bàn kiến. Các kiến có đắc được như thế tức là (các) tâm chấp trước. Mà chấp trước thì được gọi là tà kiến. Vì sao lại là vậy? Những kẻ tà

kiến luân chuyển trong ba cõi vĩnh viễn là xa **xuất yếu**, kẻ chấp trước ở đây cũng y như vậy, vĩnh viễn là xa **xuất yếu**, rồi ra không thể nào đắc được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nếu ai phát Bồ Đề tâm, cần phải quán sát tướng **KHÔNG** của tâm này. Những gì là tâm? Thế nào là **KHÔNG** tướng? Tâm (còn) gọi là ý thức, chính là thức âm, ý nhập, ý giới. **KHÔNG** tướng của tâm là tâm không có tướng của tâm, cũng không có tác giả. Tại sao vậy? Tướng của tâm này là **KHÔNG** (nên) không có tác giả, không có người sai làm. Nếu không có tác giả thì sẽ không có tác tướng. Nếu Bồ Tát hiểu rõ các pháp ấy, thì sẽ không chấp trước đối với tất cả pháp. Do không chấp trước đối với các thiện ác (pháp) hiểu rõ là không có quả báo, đối với từ (tâm) mình tu tập hiểu rõ là không có ngã, đối với bi (tâm) mình tu tập hiểu rõ là không có chúng sinh, đối với hỉ (tâm) mình tu tập hiểu rõ là không có mệnh, đối với xả (tâm) mình tu tập hiểu rõ là không có người. Tuy hành bố thí mà không thấy có vật để thí, tuy hành trì giới mà không thấy có tịnh tâm, tuy hành nhẫn nhục mà không thấy có chúng sinh, tuy hành tinh tiến mà không có tâm lìa dục, tuy hành thiền định mà không có tâm trừ ác, tuy hành trí huệ mà tâm không hành gì hết, đối với tất cả các duyên đều là trí huệ, song không bám vào trí huệ, không đắc được trí huệ, không thấy có trí huệ. Hành giả tu hành trí huệ như thế, song không tu gì hết, mà cũng không phải là không tu. Vì giáo hoá chúng sinh nên (thị) hiện (thật) hành lục độ, mà bên trong (vẫn hoàn toàn) thanh tịnh.

Hành giả khéo tu tâm mình như thế (chỉ) trong một niệm thôi thời các thiện căn được gieo trồng cùng quả báo phúc đức sẽ vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp cũng không cùng tận được, tự nhiên được gần gũi với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT : KHÔNG VÔ TƯỚNG

Thuở xưa có một thời Phật tại vườn trúc Ca Lan Đà cùng chư đại chúng vô lượng tập hội. Lúc ấy Thế Tôn tuyên bày chính pháp, nói cùng đại chúng “các pháp Như Lai tuyên thuyết (vốn là) không có tính, **KHÔNG**, không có gì hết (vô sở hữu). Rất khó tin khó hiểu đối với tất cả thế gian. Tại sao vậy? Sắc

không trói buộc không cởi mở, thọ tướng hành thức không trói buộc không cởi mở. Sắc không có tướng, lìa (hết) các tướng, thọ tướng hành thức không có niệm, lìa (hết) các niệm. Nhãn và sắc, nhĩ và thanh, tị và hương, thiệt và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng y như vậy, không thủ không xả, không cầu không tịnh, không đi không lại, không hướng đến không lìa bỏ, không tối không sáng, không si không huệ, chẳng phải bờ này chẳng phải bờ kia, chẳng phải giữa dòng. Như thế gọi là không có trói buộc. Không có trói buộc nên là KHÔNG. KHÔNG (được) gọi là vô tướng, vô tướng này cũng là KHÔNG, như thế gọi là KHÔNG. KHÔNG (được) gọi là vô niệm, vô niệm (này) cũng là KHÔNG, như thế gọi là KHÔNG. KHÔNG niệm (này) cũng là KHÔNG, như thế gọi là KHÔNG. Trong KHÔNG không có thiện không có ác, cho đến cũng không có tướng KHÔNG, cho nên gọi là KHÔNG”.

Bồ Tát nếu biết được tính của âm giới nhập (là) như thế, thì sẽ không giữ bám (thủ trước), như thế gọi là pháp nhẫn. Bồ Tát do nhẫn như thế nên đắc thọ ký nhẫn.

Chư Phật tử, ví như Bồ Tát ngược viết lên hư không, viết đủ 12 bộ kinh của Như Lai, trải qua vô lượng kiếp Phật pháp diệt rồi, những người cầu pháp không thấy không nghe được gì, (lúc ấy) chúng sinh điên đảo tạo vô biên ác. Lại có các người với trí huệ thanh tịnh ở các phương khác, thương xót các chúng sinh (muốn) cầu rộng về Phật pháp, nên đi đến phương này, thấy chữ trong hư không, nét viết rõ ràng nên (thấy là) hiểu được ngay. (Rồi) đọc tụng thọ trì, đúng như kinh nói mà thật hành, diễn nói phân biệt rộng rãi để lợi ích cho chúng sinh. (Vây) người viết chữ trong hư không và người biết (đọc) chữ trong hư không này có dễ suy lường được chăng? (Như thế) song (còn) có thể tuyên truyền tu tập thọ trì, để dẫn đạo chúng sinh khiến họ lìa khỏi trói buộc.

Chư Phật tử !Như Lai nói rằng: Vào thời quá khứ (khi Ngài) cầu đạo Bồ Đề (Ngài) được gặp gỡ 33 ức chín vạn tám ngàn vị Phật. Vào các lúc ấy, (Ngài) đều là Chuyển Luân Thánh Vương. (Ngài) đem tất cả các đồ dùng tốt đẹp cúng dường lên chư Phật và chúng đệ tử. Do bởi vì (lúc ấy Ngài thấy) có đắc được (hữu sở đắc) cho nên không được thọ ký. Sau đó lại được gặp tám vạn bốn ngàn ức chín vạn Bích Chi Phật, (Ngài) cũng suốt đời đem bốn sự cúng dường cho. Qua khỏi giai đoạn ấy, lại gặp sáu trăm hai mươi vạn một ngàn hai trăm sáu mươi một Phật. Các lúc ấy cũng đều là Chuyển Luân Thánh Vương, đem

tất cả các đồ dùng tốt đẹp cúng dường suốt đời. (Lại còn) sau khi chư Phật diệt độ, dựng tháp bảy báu cúng dường xá lợi. Sau đó có Phật xuất thế là tiếp đón cầu thỉnh các Ngài chuyên chính pháp luân. Cúng dường như thế trăm ngàn vạn ức vị Phật, các đấng Như Lai này đều ở trong Pháp KHÔNG mà nói lên các pháp tướng. Do (lúc ấy Ngài thấy) có đắc được (hữu sở đắc) nên đều không được (chư Phật) thọ ký. Lần lượt như thế cho đến khi gặp được Phật Nhiên Đăng ra đời (Ngài) gặp Phật nghe pháp tức thời đắc được tất cả vô sinh pháp nhẫn. Đắc được nhẫn này rồi mới được thọ ký, Nhiên Đăng Như Lai ở trong pháp KHÔNG nói lên các pháp tướng, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sinh, song không (hề) có nói gì, cũng chẳng độ ai hết.

Mâu Ni Thế Tôn xuất hiện với đời ở trong pháp KHÔNG nói ra có văn tự, dạy bày (cho được) ích lợi (mà) vui mừng, (khiến) khắp (chúng sinh) được thọ trì và thật hành, song không có dạy bày gì hết (mà) cũng không có ai thọ trì thật hành. Phải hiểu các pháp tính tướng đều trọn là KHÔNG. Người viết (chữ trong không) cũng là KHÔNG, người biết (đọc chữ trong không) cũng là KHÔNG, người nói (pháp) cũng là KHÔNG, người hiểu (pháp) cũng là KHÔNG. Từ vốn xưa nay KHÔNG (nên) vị lai cũng là KHÔNG, hiện tại cũng là KHÔNG. Song do chư Bồ Tát tích tập vạn thiện (như) lực phương tiện, tinh cần không lười mỏi, công đức thành mãn (nên) đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Điều này quả là vô cùng khó khăn không thể suy lường. Trong chỗ vô pháp (mà) nói lên các pháp tướng, trong chỗ vô đắc nói pháp có đắc. Các sự việc ấy (cũng như) cảnh giới của chư Phật, phải dùng đến vô lượng trí mới có thể hiểu rõ được, chứ không phải do suy lường mà có thể biết được.

Bồ Tát mới phát ý thành tâm kính ngưỡng yêu thích Bồ Đề, do tin lời nói của Phật nên từ từ được nhập vào (Bồ Đề). Thế nào là tin? Tin quán tứ đế trừ các phiền não vọng kiến kết trói đắc A La Hán (quả). Tin quán mười hai nhân duyên diệt trừ vô minh sinh khởi các hành đắc Bích Chi Phật. Tin tu bốn tâm vô lượng, sáu Ba La Mật đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thế gọi là tín nhẫn.

Chúng sinh ở trong sinh tử vô thủy nắm lấy tướng mà chấp trước không thấy pháp tính, thì phải trước hết quán sát ngũ ấm của chính thân mình (chỉ là) chúng sinh giả danh. Trong (năm ấm) ấy không có ngã, không có chúng sinh. Tại sao vậy? Nếu mà có ngã, ngã phải tự tại, song các chúng sinh lại thường bị

sinh lão bệnh tử xâm phạm làm hại không được tự tại, (nên) phải biết là không có ngã. Không có ngã tức không có tác giả. Không có tác giả (nên) cũng không có thọ giả. Pháp tính thanh tịnh như thật thường trụ. Quán sát như thế cũng chưa thể là cứu cánh được. Như thế gọi là thuận nhẫn. Bồ Tát tu tín, thuận nhẫn rồi, không lâu sẽ thành tối thượng pháp nhẫn.

PHẨM THỨ MƯỜI HAI: CÔNG ĐỨC TRÌ

Bồ Tát tu trọn đủ tâm vô tướng, song tam chưa từng trụ nơi tác nghiệp. Bồ Tát này biết các nghiệp tướng mà vẫn cứ làm, vì tu thiện căn cầu Bồ Đề nên không xả bỏ hữu vi, vì các chúng sinh (mà) tu đại bi nên không trụ vô vi, vì chân diệu trí của tất cả chư Phật nên không xả bỏ sinh tử, vì độ vô biên chúng sinh sao cho không còn chút sót nên không trụ Niết Bàn. Như thế gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát thâm tâm cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Chư Phật tử, Bồ Tát thành tựu mười pháp, sẽ không sao thôi thất vô thượng Bồ Đề. Những gì là mười?

- một là Bồ Tát thân phát tâm vô thượng Bồ Đề, giáo hoá chúng sinh cũng khiến họ phát tâm.
- Hai là thường ưa thích được gặp Phật, đem những gì mình quý ra phụng thí cúng dường (để) gieo trồng thiện căn một cách thâm sâu.
- Ba là do vì cầu pháp nên đem tâm tôn kính cúng dường pháp sư, nghe pháp không biết chán.
- Bốn là nếu thấy Tỳ kheo tăng bị phân chia thành hai bộ, tranh tụng cùng nhau, cùng gây lỗi lầm với nhau, thời cần cầu phương tiện khiến họ hoà hợp.
- Năm là nếu thấy cõi nước nào tà ác tăng thượng Phật pháp muốn hoại, thời có thể đọc, tụng, nói, dù chỉ là một bài kệ khiến cho Phật pháp không dứt tuyệt, chuyên tâm hộ pháp không tiếc thân mạng.

- Sáu là thấy các chúng sinh sợ hãi khổ não, thời sẽ cứu giúp đem vô úy thí cho họ.
- Bảy là phát tinh cần tu hành, cầu các kinh pháp thậm thân thuộc Bồ Tát tạng phương đẳng Đại Thừa.
- Tám là đặc pháp này rồi thọ trì đọc tụng thật hành y như kinh nói mà thật hành, y như kinh nói mà trụ.
- Chín là tự trụ vào pháp cũng có thể khuyến đạo khiến cho nhiều chúng sinh nhập vào pháp này.
- Mười là nhập vào pháp rồi có thể vì người mà giải nói, dạy bày (cho được) lợi ích (mà) vui mừng, khai ngộ chúng sinh.

Bồ Tát thành tựu mười pháp như thế, rồi ra sẽ không thối thất đối với vô thượng Bồ Đề. Bồ Tát cần phải tu hành (theo) kinh này như thế. Các kinh điển như thế là không thể suy lường, chính là những gì có thể sinh được tất cả các mầm đại từ bi. Kinh này có thể khai ngộ dẫn đạo các chúng sinh bị trói buộc hoàn toàn, khiến họ phát tâm. Kinh này có thể vì các người hướng về Bồ Đề mà làm sinh nhân. Kinh này có thể thành hạnh không động của tất cả các Bồ Tát. Kinh này có thể là nơi hộ niệm của chư Phật thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn chăm chỉ tu tập vô thượng Bồ Đề thì phải tuyên nói rộng rãi ban hành các kinh điển như vậy, làm cho không đoạn tuyệt nơi Diêm Phù Đề, khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh được nghe kinh này. Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào nghe kinh này, thì các người ấy trọn được khỏi đại trí huệ không thể suy lường hết sức ích lợi, và quả báo phúc đức không thể lường nổi. Cớ sao như vậy? Kinh này có thể khai mở vô lượng mắt huệ thanh tịnh, có thể khiến mầm Phật nối tiếp không đoạn, có thể cứu vô lượng chúng sinh khổ não, có thể chiếu sáng tất cả các vô minh si ám, có thể phá bốn ma và các nghiệp ma, có thể phá hoại tất cả các tà kiến của ngoại đạo, có thể diệt tất cả khối lửa lớn phiền não, có thể làm tiêu hết nhân duyên sinh khởi các hành, có thể đoạn tham tiếc, phá giới, sân khuể, giải đãi, loạn ý, ngu si, sáu bệnh cực nặng ấy, có thể trừ diệt nghiệp chướng, báo chướng, pháp chướng, phiền não chướng, chư kiến chướng, vô minh chướng, trí chướng, tập chướng. Tóm yếu mà nói, kinh này có thể làm cho tất cả các ác

pháp tiêu diệt không còn chút nào, có thể làm cho tất cả các thiện pháp bùng lên tăng trưởng.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này rồi hoan hỉ ưa thích sinh tâm hi kỳ, phải biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật (nên đã) trồng sâu thiện căn. Cớ sao như vậy? Kinh này là chỗ qua lại của chư Phật ba đời, cho nên hành giả nghe được kinh này, phải tự mừng vui thấy may mà đạt được thiện lợi lớn.

Nếu có ai biên, chép, đọc, tụng kinh này, phải biết phúc báo người ấy có được là vô lượng vô biên. Cớ sao như vậy? Do sở duyên của kinh này vô biên, do (kinh) hưng khởi vô lượng đại thế nguyện, do (kinh) nhiếp thọ tất cả các chúng sinh, do (kinh) trang nghiêm vô thượng đại Bồ Đề, cho nên phúc báo có được cũng y như thế không có hạn lượng. Nếu (ai) có thể hiểu ý nghĩa của kinh, theo lời kinh nói mà tu hành, thời tất cả chư Phật trong suốt a tăng tỷ kiếp dùng vô tận trí để nói về phúc báo (của người) ấy cũng không nói tận hết được.

Nếu có pháp sư nói đến chỗ kinh này, phải biết trong (chỗ) ấy liền phải dựng tháp. Tại sao vậy? Bởi là nơi xuất sinh chân thật chính pháp. Kinh này tuy ở nước nào, thành, ấp, xóm, làng, chùa, miếu, tịnh xá, phải biết trong (các chỗ) ấy chính là có pháp thân. Nếu có ai cúng dường hương, hoa, âm nhạc, lụa treo, phan cái, ca ngâm tán thán, chấp tay cung kính (đối với kinh ấy), phải biết người ấy đã nối tiếp giống Phật, hưởng gì lại thọ trì kinh một cách trọn đủ. Các người như thế thành tựu công đức, trí huệ trang nghiêm, trong đời vị lai, sẽ được thọ ký, quyết định sẽ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH LUẬN QUYỂN HẠ.

Thầy Thích Nhất Chân Việt dịch
18/1/94